Văn phòng Thành ủy
15.05.2024 09:00:30 +07:00

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG * Số 14-NQ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hải Phòng, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY
về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đạt nhiều kết quả. Hệ thống GDNN thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực về quy mô tuyển sinh, chất lượng đào tạo; tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm phù hợp ngày một tăng. Kết quả của GDNN đã góp phần quan trọng hình thành đội ngũ lao động lành nghề, xây dựng giai cấp công nhân, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành phố.

Tuy nhiên, GDNN thành phố vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, là điểm nghẽn cho sự phát triển của GDNN thành phố, cụ thể: Tư duy, phương pháp quản lý chậm đổi mới, cơ chế chính sách đối với GDNN thiếu đồng bộ; quy mô, cơ cấu ngành nghề, chất lượng đào tạo (nhất là kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp) chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; năng lực quản lý nhà nước, quản trị cơ sở, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo còn hạn chế; cơ sở GDNN chất lượng cao còn khiêm tốn; đặc biệt trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo đang là xu thế thì việc ứng dụng khoa học công nghệ, thành tựu Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư chưa đáp ứng yêu cầu tình hình mới; thiếu sự phối hợp, tham gia của các lực lượng xã hội, doanh nghiệp…

Những hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, nhà quản lý đối với GDNN còn chưa tương xứng, chậm đổi mới. Công tác dự báo chưa thường xuyên, việc xây dựng các cơ chế chính sách thiếu kịp thời. Nguồn lực tập trung cho GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức của người dân còn chưa đầy đủ, tâm lý coi trọng và chạy theo bằng cấp còn chủ yếu. Việc hợp tác, liên doanh, liên kết đào tạo của các cơ sở GDNN còn yếu, thiếu chủ động. Hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về GDNN, thị trường lao động chưa đầy đủ, chưa thống nhất, tính kết nối chưa cao…

Ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thành phố Hải Phòng đang có vị thế mới, đặc biệt các chỉ số phát triển ngày một tăng, là một trong những địa phương đứng đầu cả nước về thu hút nhà đầu tư có năng lực, có yêu cầu cao về chất lượng lao động... Vì vậy, việc đổi mới, nâng cao

chất lượng GDNN là yêu cầu cấp thiết để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN là chủ trương, giải pháp quan trọng, lâu dài, tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có tay nghề cao, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố; góp phần thực hiện 03 trụ cột kinh tế chủ yếu của thành phố là công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại; thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- GDNN thành phố phải đổi mới và phát triển theo hướng hiện đại, đa dạng, mở, linh hoạt, liên thông; chú trọng quy mô, cơ cấu ngành nghề và chất lượng đào tạo; quan tâm đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động. Quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế; ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ trong quản lý, điều hành và tổ chức đào tạo.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN phải theo hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, cơ sở GDNN và người học nghề để nâng cao chất lượng đào tạo; từng bước tạo hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; lấy sự chấp nhận của thị trường lao động, việc làm, thu nhập của người lao động là thước đo hiệu quả của GDNN; GDNN phải đi trước một bước trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Có các chính sách hỗ trợ GDNN, ưu tiên phân bổ ngân sách cho GDNN trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án; kết hợp tăng cường xã hội hóa GDNN.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN là trách nhiệm của hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân; phải được đưa vào các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển của ngành, địa phương. Đào tạo nghề phải song hành với thực hiện giáo dục về An toàn vệ sinh lao động.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới, bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành nghề, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả GDNN trên địa bàn thành phố, đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, việc làm và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; tạo bước đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là lao động nghề chất lượng cao; chủ động tham gia vào thị trường lao động quốc tế; tập trung

đào tạo kỹ năng, ngoại ngữ cho người lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của thành phố.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030:

- Phấn đấu thu hút 50 - 55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tại thành phố Hải Phòng vào hệ thống GDNN; thu hút từ 2.200 - 2.500 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông các tỉnh, thành phố khác vào hệ thống GDNN thành phố Hải Phòng.

- Tuyển sinh đào tạo 12.000 học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng; tỷ lệ nữ đạt trên 40% tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.

- 100% nhà giáo đạt chuẩn; 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại. 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng bổ sung nâng cao năng lực số, phát triển học liệu số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Ít nhất 70% cơ sở GDNN và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Phấn đấu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số; 100% trường cao đẳng, trường trung cấp có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, khai thác với nền tảng số GDNN thành phố và quốc gia. 100% cơ sở GDNN số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng GDNN của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành về GDNN được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 80%.

- Có ít nhất 05 trường chất lượng cao, trong đó có 02 trường cao đẳng thuộc thành phố Hải Phòng; có khoảng 80 lượt nghề trọng điểm, trong đó có 02 - 03 nghề trọng điểm có năng lực cạnh tranh vượt trội trong các nước ASEAN-4; có 03 - 05 ngành, nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

Đến năm 2045:

GDNN thành phố đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao, trở thành địa phương phát triển hàng đầu về GDNN trong nước, trong khu vực ASEAN và

bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

- Tiếp tục chỉ đạo quán triệt, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/1019 của Ban Bí thư, Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Thành ủy để thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN.

- Đẩy mạnh đổi mới công tác truyền thông về chủ trương, chính sách của Trung ương và thành phố về GDNN tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên, tạo sự đồng thuận, tin tưởng trong Nhân dân thành phố; nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của GDNN.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN. Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân đối với việc triển khai nhiệm vụ GDNN.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN công lập thuộc thành phố quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Tổ chức thực hiện Phương án phát triển mạng lưới cơ sở GDNN theo Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm về quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo; ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của thành phố, gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của các khu, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; phát triển GDNN ở nông thôn, hải đảo để chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Khuyến khích phát triển cơ sở GDNN tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở GDNN trong doanh nghiệp.

- Thực hiện đổi mới, có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN. Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu có cống hiến, đóng góp, ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển của GDNN thành phố.

- Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia bảo đảm gắn với thị trường lao động; chuẩn hóa, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động; chú trọng hỗ trợ đào

tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

- Nghiên cứu, xem xét việc thành lập Hội đồng phát triển GDNN thành phố; phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đánh giá phân tầng, xếp hạng các cơ sở GDNN. Có giải pháp cụ thể thực hiện công tác thống kê, thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về GDNN của thành phố gắn với thực hiện chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, xây dựng một số chính sách đặc thù tạo chuyển biến đột phá trong GDNN: Hỗ trợ người học nghề đối với một số nghề được khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động, tăng cường tuyển sinh, đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu. Hỗ trợ nhà giáo GDNN, kỹ sư, chuyên gia làm việc trong các doanh nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm. Quan tâm đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nhất là bảo đảm cơ sở vật chất trong đào tạo kỹ năng thực hành; ưu tiên tập trung đầu tư đối với các trường chất lượng cao, bảo đảm các tiêu chí theo quy định.

3. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý GDNN của thành phố

3.1. Từng bước chuẩn hóa, phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Quan tâm xây dựng đội ngũ nhà giáo GDNN bảo đảm về chất lượng, số lượng và cơ cấu; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề (chú trọng nhà giáo dạy nghề trọng điểm) theo hướng hiện đại, chất lượng cao, tiếp cận chuẩn của các nước tiên tiến. Thực hiện phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo GDNN.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong GDNN.

- Xây dựng mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong GDNN. Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục đại học về trao đổi giảng viên, liên kết sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, giáo trình giảng dạy.

3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý GDNN

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý nhà nước về GDNN và cán bộ quản lý cơ sở GDNN. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

- Phát triển nhanh và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý tại cơ sở GDNN làm công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng; đội ngũ thanh tra, cộng tác viên thanh tra chuyên ngành.

4. Đẩy nhanh chuyển đổi số, chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hoạt động GDNN

4.1. Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong GDNN được coi là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng dạy và học trong đào tạo nghề, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, mở rộng phương thức đào tạo, là tiêu chí để đánh giá chất lượng của đơn vị GDNN; huy động, gắn kết với doanh nghiệp và các lực lượng trong xã hội để phát triển GDNN; tạo điều kiện học tập suốt đời cho người dân, tạo đột phá về chất lượng và quy mô đào tạo.

- Xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng số phục vụ cho quản lý GDNN. Tham gia phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành theo chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, bảo đảm theo yêu cầu, mục tiêu về chuyển đổi số của thành phố.

4.2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị

- Rà soát, xem xét các cơ chế, chính sách các cơ sở GDNN được thụ hưởng theo quy định, nhằm phát huy hiệu quả tối đa các nguồn lực cho GDNN thành phố.

- Tập trung đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở GDNN, ưu tiên đầu tư đồng bộ cho các trường chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm; nghề "xanh"; ngành, nghề đào tạo mới, kỹ năng mới; ngành, nghề đào tạo đặc thù phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình "nhà trường thông minh, hiện đại", "nhà trường xanh".

4.3. Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; ứng dụng các tiến bộ khoa học, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất

- Rà soát, cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn với thị trường lao động, phù hợp với đối tượng người học; rà soát, xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề mới, ứng dụng công nghệ mới, ngành nghề hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực công nghệ mới. Khuyến khích áp dụng, nhân rộng chương trình, giáo trình đào tạo chất lượng cao trong các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố.

- Đổi mới phương pháp đào tạo, đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có năng suất lao động cao, có đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật cao, kỹ năng nghề tiên tiến cung cấp cho thị trường lao động. Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Đổi mới công tác đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, trình độ của người học, người lao động.

- Thực hiện liên thông giữa các trình độ trong GDNN theo quy định, chú trọng đẩy mạnh đánh giá đào tạo từ đó cải thiện chất lượng đào tạo nghề. Thực hiện

các giải pháp cụ thể, hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp để phân luồng học sinh, thu hút người học bảo đảm chỉ tiêu đào tạo nghề của các cơ sở GDNN.

- Thực hiện đào tạo nghề gắn với giáo dục nâng cao nhận thức về An toàn vệ sinh lao động, góp phần đào tạo thế hệ công nhân chế độ xã hội chủ nghĩa mới, hiện đại, lớn mạnh phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển thành phố và đất nước.

5. Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Đổi mới triển khai cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Doanh nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội. Định kỳ tổ chức đối thoại "3 nhà", có giải pháp kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế và xu hướng.

- Đẩy mạnh hiệu quả công tác dự báo nhu cầu nhân lực kỹ thuật và nhu cầu đào tạo theo cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; có giải pháp khuyến khích, thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nghề nghiệp.

- Phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở GDNN và các Trung tâm dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch việc làm, Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; có chương trình cụ thể thực hiện gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Tăng cường nguồn lực và hiệu quả đầu tư nguồn lực cho GDNN

- Tăng cường nguồn lực, ưu tiên phân bổ ngân sách cho GDNN trong tổng chi ngân sách nhà nước của thành phố cho giáo dục và đào tạo tương xứng với vị trí, vai trò của GDNN. Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ GDNN đối với các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN, bảo đảm chính sách bình đẳng đối với cơ sở GDNN công lập và tư thục; khuyến khích khu vực tư nhân tham gia GDNN.

- Đa dạng hoá nguồn lực đầu tư cho GDNN; đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở GDNN công lập; tăng cường hiệu quả xã hội hoá GDNN. Thực hiện hiệu quả chính sách ưu đãi đối với các cơ sở tư thục khi tham gia tổ chức đào tạo một số ngành, nghề ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

7. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về GDNN

- Khuyến khích các cơ sở GDNN hợp tác với các trường đào tạo nghề, các tổ chức quốc tế của các nước phát triển về chương trình đào tạo, trao đổi giáo viên, chuyên gia đào tạo; chuyển giao công nghệ, phương pháp giảng dạy, liên kết đào tạo những ngành nghề đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế ...;

- Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho GDNN; ưu tiên dự án nước ngoài đầu tư phát triển GDNN, đặc biệt là dự án hỗ trợ kỹ thuật, phát triển chương trình, học liệu, đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý; các dự án mở các cơ sở đào tạo, mở các mã ngành, nghề mới liên quan

đến lĩnh vực có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, công nghệ ưu tiên, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số… của thành phố.

- Hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, trung tâm đào tạo trong và ngoài nước để đào tạo, bồi dưỡng nguồn lao động có kỹ năng nghề cho thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các cơ sở giáo dục tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo rà soát, xây dựng chính sách đặc thù về GDNN trên địa bàn thành phố phù hợp với các mục tiêu của Nghị quyết và tình hình thực tế GDNN tại thành phố; giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, phê duyệt Đề án "*Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*", bảo đảm các nguồn lực để thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và Đề án; định kỳ tham mưu, đề xuất sơ kết, tổng kết việc thực hiện để bổ khuyết, chỉ đạo kịp thời.

4. Các ban của Thành ủy và Văn phòng Thành ủy phối hợp, tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết trong toàn Đảng bộ và Nhân dân thành phố; theo dõi, đôn đốc, định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

Lê Tiến Châu

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Các ban, cơ quan Thành ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố,
- Các sở, ban, ngành thành phố,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.